

Số: 52/2021/HNGĐ - ST
Ngày 29 tháng 7 năm 2021
V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊNH PHỐ B**

Với tHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tư, Bà Nguyễn Thị Vượng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo - Cán bộ Tòa án nhân dân tHnh phố B

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tHnh phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, Tòa án nhân dân tHnh phố B xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 117/2021/TLST - HNGĐ ngày 06/4/2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐST-DS ngày 14/7/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm: 1980 (Có mặt)

ĐKHKT: Thôn Văn Giàng, xã Tân Tiến, tHnh phố B, tỉnh B

Nơi cư trú: Thôn Thái Bảo, phường Nam Sơn, tHnh phố BN, tỉnh BN

2. Bị đơn: Anh Tăng Văn N - sinh năm: 1976 (vắng mặt)

ĐKHKT và nơi ở: Thôn Văn Giàng, xã Tân Tiến, tHnh phố B, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 18/3/2021 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Tăng Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Sơn, huyện QV, tỉnh BN (nay là phường Nam Sơn, tHnh phố BN, tỉnh BN) khoảng tháng 3 năm 1999 và tổ chức lễ cưới tại gia đình theo phong tục tập quán. Sau khi cưới, vợ chồng về chung sống tại thôn Văn Giàng, xã Tân Tiến, tHnh phố B. Vợ chồng chung sống hòa thuận được một vài năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân chị biết được anh N vẫn qua lại với người vợ trước và còn sinh thêm với người này một người con trai, tuy nhiên chị vẫn cố gắng nhẫn nhịn, nhưng sau này anh N thường xuyên uống,

rượu say xỉn, chửi bới và còn ghen tuông nghi ngờ nói chị qua lại với người đàn ông khác. Năm 2016 vợ chồng có mâu thuẫn nhỏ, nhưng anh N đã đánh chị nên chị đã quyết định về BN sinh sống. Từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn qua lại, quan tâm đến nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, đề N Tòa án giải quyết cho chị và anh N ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Tăng Văn H, sinh ngày 25/01/2000, hiện con đã trưởng thành, mạnh khỏe nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: không có.

Bị đơn anh Tăng Văn N tại biên bản ghi lời khai ngày 09/7/2021 trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H đã kết hôn ngày 26/01/1999 và đăng ký kết hôn tại UBND xã Nam Sơn, huyện QV, tỉnh BN. Quá trình chung sống của vợ chồng cho đến năm 2016 khi anh bị tai nạn thì chị H đã bỏ về BN, từ đó đến nay anh và chị H sống ly thân. Nay chị H xin ly hôn anh đồng ý. Về con chung, anh và chị H có con chung là Tăng Văn H, sinh năm 2001, hiện đã trên 18 tuổi nên anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, công nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết. Vì lý do sức khỏe của anh hiện nay yếu nên anh xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và trong phiên tòa xét xử.

Đại diện thôn Văn Giàng, xã Tân Tiến - trưởng thôn cung cấp: Vợ chồng chị Nguyễn Thị H và anh Tăng Văn N là công dân sinh sống tại địa phương, trong quá trình chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể như thế nào địa phương không rõ. Hiện nay chị H đã bỏ về BN và không còn sống cùng anh N. Con chung của anh, chị hiện nay sống cùng chị H. Đề N Tòa án giải quyết việc ly hôn cho anh N, chị H theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn xin vắng mặt.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký là đúng pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Đề N căn cứ điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 N quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Tăng Văn N ly hôn. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung không đặt ra xem xét. Về án phí, chị H phải chịu. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị H cùng các tài liệu, chứng cứ đã giao nộp là hoàn toàn hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức và nội dung đơn khởi kiện.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, bị đơn cư trú tại tHnh phố B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tHnh phố B theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã chấp Hnh đúng pháp luật. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Tại phiên tòa, bị đơn xin xét xử vắng mặt, HĐXX căn cứ điều 227, điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vụ án.

[4]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn cùng các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, bản trích lục kết hôn do UBND phường Nam Sơn, tHnh phố BN cung cấp, cho thấy, chị Nguyễn Thị H và anh Tăng Văn N đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Nam Sơn, tHnh phố BN, tỉnh BN ngày 13/01/1999, HĐXX xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn: Lời khai của chị Nguyễn Thị H và anh Tăng Văn N cũng như kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú cho thấy, anh N và chị H đã kết hôn và chung sống yên ổn từ năm 1999 cho đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị H đã bỏ về bên quê ngoại ở phường Nam Sơn, tHnh phố BN, tỉnh BN sinh sống, từ đó đến nay vợ chồng không qua lại, mỗi người sống một nơi, không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng với nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh N đồng ý, HĐXX xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh N đã kéo dài, không thể hòa giải, căn cứ quy định tại điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị H và anh N ly hôn.

Về con chung: Chị H và anh N có một con chung là Tăng Văn H, sinh năm 2000, hiện trên 18 tuổi, khỏe mạnh nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7]. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 28, điều 35, điều 39; điều 147; điều 227, điều 228; điều 271; điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 N quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H và anh Tăng Văn N ly hôn.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu số 0001003 ngày 06/4/2021 của Chi cục thi Hình án dân sự tHnh phố B. Xác nhận chị H đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi Hình theo quy định tại điều 2 Luật thi Hình án dân sự thì người được thi Hình án dân sự, người phải thi Hình án dân sự có quyền thỏa thuận thi Hình án, quyền yêu cầu thi Hình án, tự nguyện thi Hình án hoặc bị cưỡng chế thi Hình án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi Hình án dân sự; Thời hiệu thi Hình án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi Hình án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- TAND, VKSND Tỉnh B;
- THADS TP B;
- UBND phường Nam Sơn, TP BN, tỉnh BN;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

